TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PY** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:13/2024/QĐST-VHNGĐ	*PY, ngày 28 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Vũ Quang T, sinh năm 1982;

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 11, ngõ 2, đường Lý Thường Kiệt, tổ 18, phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 4, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Trần Thị Thuỳ D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 1, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang T và chị Trần Thị Thuỳ D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân phường BH vào ngày 05/11/2008 (số đăng ký kết hôn 19, quyển số 2-08). Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2012 thì mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Do vậy anh T, chị D cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 3 năm 2024 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh T, chị D đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 26/12/2010. Nay ly hôn anh T, chị D nhất trí thoả thuận, giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cả con chung là: Vũ Ngọc L, sinh ngày 26/12/2010, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị D 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung: Anh T, chị D Trong đều xác định trong quá trình chung sống anh chị được bố mẹ đẻ anh tặng cho 130 m^2 đất ở tại đô thị, tại thửa 16a, tờ bản đố số 13Id vị trí thửa đất: Tổ dân phố 4, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên đã được UBND huyện (nay là thành phố) PY cấp giấy chứng nhận số BG 117698 ngày 08/8/2011 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 3037/QSDĐ/9006/QĐ-UBND mang tên Vũ Quang T và Trần Thị Thuỳ D. Nay anh chị thống nhất thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận như sau: Giao cho anh Vũ Quang T được toàn quyền sử dụng thửa đất nêu trên và được quyền sử dụng, sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng khung bê tông cốt thép cùng toàn bộ các công trình khác trên đất thửa đất. Chị D không yêu cầu anh T phải trích tài sản.

[4]. Về nợ chung, về các khoản cho vay chung: Anh T, chị D đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

[5]. Về lệ phí: Anh T, chị D thống nhất thỏa thuận: Anh T là người nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang T và chị Trần Thị Thuỳ D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh T, chị D đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có một con chung là Vũ Ngọc Linh, sinh ngày 26/12/2010.

Anh T, chị D thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Trần Thị Thuỳ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 26/12/2010 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị D thống nhất thoả thuận: Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2024.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị D thống nhất thoả thuận không tính lãi suất chậm trả nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị D.

1.4. Về tài sản chung: Anh T, chị D thống nhất thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận cụ thể như sau: Giao cho anh Vũ Quang T được quyền sử dụng thửa 16a,

tờ bản đồ số 131Id, diện tích 130m^2, đất ở tại đô thị, vị trí đất tại Tổ dân phố 4, phường BH, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên đã được UBND huyện (nay là thành phố) PY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 117698 ngày 08/8/2011 số vào sổ cấp giấy chứng nhận 3037/QSDĐ/9006/QĐ-UBND mang tên Vũ Quang T và Trần Thị Thuỳ D và được quyền sử dụng, sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng khung bê tông cốt thép cùng toàn bộ các công trình khác trên đất. Chị D không yêu cầu anh T phải trích chia tài sản.

1.5. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh T, chị D đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.6. Về lệ phí: Anh T, chị D thống nhất thỏa thuận: Anh T nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, theo biên lai thu số 0001545 ngày 14/3/2024. Anh T còn phải tiếp tục nộp 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND phường BH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy